

Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo tài chính riêng quý 2
và bán niên cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần GTNfoods
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0105334948

ngày 30 tháng 5 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 2 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Nghiêm Văn Thắng
Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Lê Thành Liêm
Ông Đỗ Lê Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Trần Chí Sơn

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần GTNfoods
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính quý đính kèm của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính quý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính quý được trình bày từ trang 3 đến trang 25 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính quý đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Công ty Cổ phần GTNfoods
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		289.148.049.376	1.099.343.637.260
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	4.267.816.741	885.255.561.683
Tiền	111		1.267.816.741	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	884.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		273.000.000.000	205.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	273.000.000.000	205.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.468.473.612	6.775.706.485
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	107.334.246
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.021.075.000	4.021.075.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	9.168.473.612	6.475.706.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(3.721.075.000)	(3.828.409.246)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.411.759.023	2.312.369.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		65.154.529	90.533.601
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		275.321.705	150.552.702
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	2.071.282.789	2.071.282.789
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		2.434.449.546.441	1.601.465.479.305
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		87.590.300	87.590.300
Phải thu dài hạn khác	216		87.590.300	87.590.300
Tài sản cố định	220		1.241.831.355	1.352.708.673
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.241.831.355	1.352.708.673
Nguyên giá	222		1.660.713.818	1.660.713.818
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(418.882.463)	(308.005.145)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		142.000.000	142.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.000.000)	(142.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	2.433.007.172.846	1.599.902.095.153
Đầu tư vào công ty con	251		2.266.298.145.648	1.426.733.774.148
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	230.899.972.315	230.899.972.315
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(64.190.945.117)	(57.731.651.310)
Tài sản dài hạn khác	260		112.951.940	123.085.179
Chi phí trả trước dài hạn	261		112.951.940	123.085.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.723.597.595.817	2.700.809.116.565

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		517.210.617	888.032.662
Nợ ngắn hạn	310		517.210.617	888.032.662
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.210.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	16.657.780	22.469.224
Phải trả người lao động	314		214.393.320	201.715.872
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		247.000.000	519.866.500
Phải trả ngắn hạn khác	319		37.949.517	143.981.066
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.723.080.385.200	2.699.921.083.903
Vốn chủ sở hữu	410	15	2.723.080.385.200	2.699.921.083.903
Vốn cổ phần	411	16	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		255.927.481.378	245.042.505.974
Cổ phiếu quỹ	415		-	(14.364.328.733)
Lỗi lũy kế	421		(32.847.096.178)	(30.757.093.338)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.757.093.338)	(106.382.393.081)
- (Lỗi)/LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.090.002.840)	75.625.299.743
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.723.597.595.817	2.700.809.116.565

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Quý 2/ 2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	-	-	-	-
11	Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
20	Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	-	-	-	-
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.225.022.651	45.983.175.137	7.522.768.456	60.651.915.221
22	Chi phí tài chính	5.056.288.642	34.373.502	6.459.293.807	516.035.529
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.461.514.559	2.373.329.833	3.153.477.489	5.315.858.015
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	(3.292.780.550)	43.575.471.802	(2.090.002.840)	54.820.021.677
32	Chi phí khác	-	14.020.243	-	14.020.243
40	Lỗ khác (40 = 31 - 32)	-	(14.020.243)	-	(14.020.243)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Công ty Cổ phần GTNfoods

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số	Thuyết minh	Quý 2/ 2021 VND	Quý 2/ 2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(3.292.780.550)	43.561.451.559	(2.090.002.840)	54.806.001.434
Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		(3.292.780.550)	43.561.451.559	(2.090.002.840)	54.806.001.434

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Công ty Cổ phần GTNfoods
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(2.090.002.840)	54.806.001.434
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	110.877.318	31.430.832
Các khoản dự phòng	03	6.459.293.807	516.035.529
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.522.768.456)	(60.651.915.221)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(3.042.600.171)	(5.298.447.426)
Biến động các khoản phải thu	09	(126.769.003)	7.762.511.499
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(370.822.045)	271.890.413
Biến động chi phí trả trước	12	35.512.311	327.678.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.504.678.908)	3.063.633.455
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(151.000.000.000)	(1.104.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	83.000.000.000	204.250.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(883.751.970.000)	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27	49.019.599.829	35.046.087.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(902.732.370.171)	(864.703.912.118)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng quý này

Công ty Cổ phần GTNfoods
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31	25.249.304.137	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(14.364.328.733)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.249.304.137	(14.364.328.733)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(880.987.744.942)	(876.004.607.396)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	885.255.561.683	955.295.368.537
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	4.267.816.741	79.290.761.141

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư tài chính;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; và
- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 9 nhân viên (1/1/2021: 10 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính quý này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất quý. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính quý này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính quý, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính quý này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- trang thiết bị văn phòng 3 – 8 năm

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Thu nhập khác

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(l) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(n) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trong quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.267.816.741	1.255.561.683
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	884.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.267.816.741	885.255.561.683

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,6%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

9. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1% đến 7%/năm (1/1/2021: từ 5,5% đến 7%/năm).

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021		
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty con			
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	74,49%	1.426.733.774.148
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (**)	29.458.399	51,00%	839.564.371.500
			<hr/>
			2.266.298.145.648
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	80.622.827.315
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (***)	7.400.000	16,23%	82.777.145.000
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	67.500.000.000
			<hr/>
			230.899.972.315
			<hr/>
			2.497.198.117.963
			<hr/>
			(64.190.945.117)
			<hr/>
			(64.190.945.117)

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2021	
	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
				Giá trị hợp lý VND
Công ty con				
▪ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP	47.003.136	74,49%	1.426.733.774.148	(*)
Công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	80.622.827.315	(*)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (***)	7.400.000	16,23%	82.777.145.000	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	67.500.000.000	(*)
			230.899.972.315	(57.731.651.310)
			1.657.633.746.463	(57.731.651.310)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính quý bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 04 tháng 2 năm 2021 Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và tỉ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 51,00% (bao gồm trực tiếp là 26,78% và gián tiếp thông qua Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP là 24,22%).

Công ty Cổ phần GTNfoods**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(***) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần thông qua đại diện trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty cổ phần được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(57.731.651.310)	(56.884.811.694)
Tăng dự phòng	(6.459.293.807)	(516.035.529)
Số dư cuối kỳ	(64.190.945.117)	(57.400.847.223)

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Ông Nhữ Mạnh Hải	300.000.000	300.000.000
	4.021.075.000	4.021.075.000

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	7.881.690.412	5.190.923.285
Tạm ứng	10.000.000	8.000.000
Phải thu tiền thuê văn phòng	1.276.783.200	1.276.783.200
	9.168.473.612	6.475.706.485
Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan:		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	1.276.783.200	1.276.783.200

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	(3.721.075.000)
Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-	-	-	(107.334.246)
	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	(3.828.409.246)
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(3.721.075.000)		(3.828.409.246)

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Trang thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.467.313.818	193.400.000	1.660.713.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	167.396.810	140.608.335	308.005.145
Khấu hao trong kỳ	95.793.984	15.083.334	110.877.318
Số dư cuối kỳ	263.190.794	155.691.669	418.882.463
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.299.917.008	52.791.665	1.352.708.673
Số dư cuối kỳ	1.204.123.024	37.708.331	1.241.831.355

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 102.900.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 102.900.000 VND).

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	22.469.224	141.828.476	147.639.920	16.657.780
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	-	-	2.071.282.789

Công ty Cổ phần GTNfoods

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	2.500.000.000.000	245.042.505.974	-	(106.382.393.081)	2.638.660.112.893
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	54.806.001.434	54.806.001.434
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(14.364.328.733)	-	(14.364.328.733)
Số dư tại ngày 30/6/2020	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(14.364.328.733)	(51.576.391.647)	2.679.101.785.594
Số dư tại ngày 1/1/2021	2.500.000.000.000	245.042.505.974	(14.364.328.733)	(30.757.093.338)	2.699.921.083.903
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(2.090.002.840)	(2.090.002.840)
Bán cổ phiếu quỹ (*)	-	10.884.975.404	14.364.328.733	-	25.249.304.137
Số dư tại ngày 30/6/2021	2.500.000.000.000	255.927.481.378	-	(32.847.096.178)	2.723.080.385.200

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện bán 1.000.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2020/GTN/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2020 với phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”).

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	250.000.000	2.500.000.000.000	250.000.000	2.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000	250.000.000	2.500.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(1.000.000)	(14.364.328.733)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	2.500.000.000.000	249.000.000	2.485.635.671.267

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần đã góp trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/06/2021		30/06/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	249.000.000	2.485.635.671.267	250.000.000	2.500.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	1.000.000	14.364.328.733	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(1.000.000)	(14.364.328.733)
Số dư cuối kỳ	250.000.000	2.500.000.000.000	249.000.000	2.485.635.671.267

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	325.166.400	330.361.200
Từ hai đến năm năm	243.874.800	412.951.500
	569.041.200	743.312.700

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo hợp đồng thuê văn phòng dài hạn số 06/2020/HĐ-VP ngày 26 tháng 3 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 09/2020/PLHĐ-VP ngày 10 tháng 4 năm 2020, phụ lục hợp đồng số 11/2021/PLHĐ-VP ngày 12 tháng 5 năm 2021. Thời hạn thuê là ba năm từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2023.

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ sáu tháng kết
	thúc ngày	thúc ngày
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, bán cổ phiếu	7.522.768.456	32.450.033.621
Cổ tức được chia	-	28.201.881.600
	7.522.768.456	60.651.915.221

19. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết	Kỳ sáu tháng kết
	thúc ngày	thúc ngày
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.459.293.807	516.035.529

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân công	1.641.485.458	2.848.211.337
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.739.443	34.010.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.877.318	31.430.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.051.703	2.026.900.728
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	914.323.567	375.304.575
	3.153.477.489	5.315.858.015

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.090.002.840)	54.806.001.434
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(418.000.568)	10.961.200.287
Chi phí không được khấu trừ thuế	78.410.800	72.363.216
Thu nhập không bị tính thuế	-	(5.640.376.320)
Lỗ tính thuế được sử dụng	339.589.768	(5.393.187.183)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần GTNfoods
Thuyết minh báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính quý, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu		
Đầu tư vào công ty con	883.751.970.000	-
Cổ tức được chia cho giai đoạn trước khi đầu tư	44.187.598.500	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	366.501.426
Cổ tức được chia	-	28.201.881.600
Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền lương, thưởng và thù lao	582.000.000	550.834.924

23. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính quý cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc